

"Nói chung, thì các dân tộc phương Đông đều giàu tình cảm và đối với họ một tấm gương sống còn có giá trị hơn một trăm bài diễn văn tuyên truyền".

Khổng tử có ảnh hưởng tới Hồ Chí Minh thì cũng giống như Mác chịu ảnh hưởng Hê-ghe-n. Ai đọc "Đại Logic" của Hê-ghe-n rồi đọc "Tu bản" của Mác cũng đều thấy rất hiển nhiên không có "Đại Lô-gic" không thể có "Tu bản", bởi vì cái cơ chế khái niệm của Mác cho phép chúng ta nắm chắc Chủ nghĩa tư bản như một đồ vật là lấy ở "Đại Lô-gic" bằng cách lật ngược nó, đưa cái hệ lô-gic của ý niệm xuống cái thế giới thực tế của đấu tranh giai cấp vì miếng cơm, manh áo.

Hồ Chí Minh cũng khẳng định như vậy :

"Đạo đức cũ như người đầu ngược xuống đất, chân chống lên trời. Đạo đức mới như người hai chân đứng vững dưới đất, đầu ngẩng lên trời. Bốn phong kiến ngày xưa nêu ra Cần, Kiệm, Liêm, Chính nhưng không bao giờ làm mà lại bắt nhân dân phải tuân theo để phụng sự quyền lợi cho chúng. Ngày nay ta đề ra Cần, Kiệm, Liêm, Chính cho cán bộ thực hiện làm gương mẫu cho dân, để lợi cho dân".

Mục đích của Khổng tử và Nho giáo là xây dựng một xã hội tôn ty luận, với các tôn ty trên dưới không bao giờ thay đổi. "Tu thân" đối với nó không gì khác hơn là hiểu địa vị mình trong tôn ty và chấp nhận nó để

củng cố cái tôn ty hiện có. Còn "tu thân" theo Hồ Chí Minh là để lật đổ cái xã hội tôn ty luận này, xây dựng một xã hội mới bình đẳng, tự do, bác ái, trong đó mọi quyền lợi đều thuộc người dân lao động, nhằm mục đích cải tạo xã hội và cải tạo thế giới. Tuy có trích dẫn nhiều câu của Khổng tử nhưng mọi câu đều nhằm tạo một mục tiêu mà Khổng tử không tài nào nghĩ đến được : người dân lao động và hạnh phúc của anh ta.

Một vài thí dụ về cách giải thích những khái niệm mà người ta hay lầm tưởng là của Nho giáo :

Chữ nhân : *"Nhân nghĩa là nhân dân. Trong bầu trời không gì quý bằng nhân dân. Trong thế giới không gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của nhân dân"* (Lời phát biểu năm 1956 tại trường Đại học nhân dân, Hà Nội. Trong : Hồ Chí Minh : *Về vấn đề giáo dục*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1990, trang 155).

Chữ hiếu : *Hiếu là hiếu với nhân dân, ta thương cha mẹ ta mà còn phải thương cha mẹ người, phải làm cho mọi người đều biết thương cha mẹ"* (Hồ Chí Minh toàn tập, in lần thứ nhất, tập V, trang 243).

Chữ gia đình. *"Gia đình to là cả nước và gia đình nhỏ, cái nào nặng ? Cái nào nhẹ ? Người cách mạng được gia đình to. Nếu gia đình to bị áp bức bóc lột thì gia đình nhỏ sẽ bị suy sụp, không phát triển được"* (Hồ

Chí Minh "Phát huy tinh thần cầu học, cầu tiến bộ"
NXB Sự thật, trang 22-23).

Chữ chí công vô tư : "... Tham ô là lấy trộm của công, chiếm của công làm tư của tư. Nếu nhà ai bị mất trộm, mất cắp thì hô hoán lên và cả xóm cả làng đuổi bắt kẻ trộm. Khi của công bị mất cắp thì mọi người đều có trách nhiệm vạch mặt kẻ gian và đưa nó ra trước pháp luật, vì mọi người đều có nghĩa vụ giữ gìn của công" (Hồ Chí Minh toàn tập, in lần thứ nhất, tập IX, trang 388).

Chữ lo trước vui sau : "Các sự hy sinh khó nhọc thì mình làm trước người ta, còn sự sung sướng thì mình nhường người ta hưởng trước" (Hồ Chí Minh toàn tập, in lần thứ nhất, tập IV, trang 422).

Xét cho cùng Hồ Chí Minh hay Tôn Trung Sơn chỉ mượn Khổng giáo để trình bày nhân cách luận của mình cho phù hợp với yêu cầu cách mạng, dù là dân tộc chủ nghĩa hay xã hội chủ nghĩa nhưng gần với tâm thức dân tộc. Còn về thực chất, cả hai người đều không phải là theo Khổng giáo.

11. Điều nói trên đây cũng áp dụng cho các tư tưởng khác. Hồ Chí Minh tiếp nhận mọi tinh hoa tư tưởng có lợi cho cách mạng, cho nước Việt Nam. Bác không đòi hỏi người ta phải bỏ tư tưởng của mình bởi vì điều cần không phải là mọi người đều nói như nhau, nghĩ như nhau. Điều cần là mọi người trong khi có tư tưởng, suy

nghe riêng vẫn hành động theo quyền lợi của cách mạng và tổ quốc.

Hồ Chí Minh chấp nhận cá nhân luận của Pháp. Năm 1946, Người viết trong "Nhật ký" :

"Nói chung, những người Pháp đều yêu chuộng những Đức lành như : Tự do, Bình đẳng, Bác ái. Phần đông người Pháp có tính hào phóng, không giận hờn lâu. Thấy việc phải thì họ làm, không quản mất công tốn của : họ đã cho là phải, thì dù người dung nước lã họ cũng hết sức giúp giùm. Người Pháp lại vui tính, dễ làm quen. Nói năm ba câu chuyện mà ý hợp tâm đầu thì liền trở thành bạn tốt. Tóm lại người Pháp rất dễ thương, dễ mến".

Rõ ràng, con người bị thực dân Pháp hai lần kết án tử hình không có thành kiến gì với người Pháp. Đối với tôn giáo cũng vậy. Bác tôn trọng đời sống tâm linh mỗi người. Ngày lễ Phật đản, Bác viết cho đồng bào Phật giáo :

"Đức Phật là đại từ đại bi, cứu khổ cứu nạn. Muốn cứu chúng sinh khỏi khổ nạn. Người phải hy sinh tranh đấu diệt lũ ác ma.

"Nay đồng bào ta đại đoàn kết, hy sinh của cải, xương máu, kháng chiến đến cùng, để đánh tan thực dân phản động, để cứu quốc dân khỏi khổ nạn, để giữ quyền thống nhất và độc lập của Tổ quốc. Thế là chúng

ta làm theo lòng đại từ bi của Đức Phật Thích ca, kháng chiến để đưa nòi giống ra khỏi khổ ái nô lệ... Tôi cảm ơn đồng bào".

12. Đường lối chính trị của Hồ Chí Minh lấy Đoàn kết làm nền tảng. Chuyện đoàn kết nói thì dễ, nhưng làm rất khó. Một khi thực dân Pháp thống trị đất nước tám mươi năm, không ít người bị lôi cuốn, có quan hệ với Pháp, không ít người đã từng chống lại cách mạng khi Đảng chưa giành chính quyền và cũng không ít người chống lại do bị thực dân quay lại lợi dụng. Chỉ cần một chính sách hẹp hòi, thành kiến, hay không được nhân dân nhất tề ủng hộ ngay, họ bị thiệt thòi thì chính sách tan vỡ. Suốt ba mươi năm kháng chiến, chúng ta đã thi hành một chính sách khoan dung mẫu mực, đoàn kết mẫu mực. Cho nên cách mạng Việt Nam không sử dụng bạo lực, không có chuyện khủng bố đẫm máu, mà toàn dân vẫn theo không tiếc xương máu. Điều này không chỉ do sự sáng suốt của lãnh đạo mà chủ yếu còn do tinh thần đoàn kết mẫu mực của toàn dân mới thực hiện được.

Vì đường lối là nhân cách luận, cách mạng lấy đoàn kết làm sách lược cho nên con đường thu hút quần chúng không phải con đường kinh tế, con đường bạo lực dựa trên kỷ luật mà theo chính con đường của nhân cách luận là con đường nêu gương. Mà con người nêu gương trước hết chính là lãnh tụ. Hồ Chí Minh là con người suốt đời quên mình cho nhân dân lao động, khi

cách mạng chưa thành công cũng như khi cách mạng thành công với tinh thần yêu nước, yêu nhân loại bị áp bức, trong sạch và nhiệt thành không bao giờ thay đổi. Theo tấm gương của Bác, hàng triệu người đã quên mình. Có những con người rất bình thường, trước đây không ai để ý trở thành phi thường, hiện thân của tinh thần và đạo đức dân tộc : tôi muốn nói đến các bà mẹ anh hùng, các cô gái anh hùng.

Phải nói có một thời gian khá dài toàn dân đã sống theo văn hóa mới, theo đúng yêu cầu của Hồ Chủ Tịch :

"Phải làm sao cho văn hóa vào sâu trong tâm lý của quốc dân, nghĩa là văn hóa phải sửa đổi được tham nhũng, lười biếng, phù hoa, xa xỉ. Văn hóa phải làm thế nào cho nhân dân có tinh thần vì nước quên mình, vì lợi ích chung mà quên lợi ích riêng. Văn hóa phải làm thế nào cho mỗi người dân Việt Nam, từ già đến trẻ, cả đàn ông và đàn bà ai cũng hiểu nhiệm vụ của mình và biết hưởng hạnh phúc của mình nên hưởng".

13: Những điều căn bản của tư tưởng Hồ Chí Minh, tư tưởng đã nhập vào văn hóa Việt Nam tạo nên bước chuyển biến trong tâm thức người Việt. Vào năm 1923, một nhà thơ Nga nổi tiếng là O-xip Man-đen-xtan đã nhìn thấy ở Nguyễn Ái Quốc, lúc này chưa phải là lãnh tụ, mà một người cách mạng bình thường, cái đặc điểm sẽ tạo thành vị danh nhân kiệt xuất của văn hóa thế giới :

"Cả diện mạo Nguyễn Ái Quốc toát lên sự lịch thiệp và tế nhị. Từ Nguyễn Ái Quốc tỏa ra một nền văn hóa, không phải như văn hóa châu Âu, mà có lẽ là một văn hóa tương lai..."

Nguyễn Ái Quốc ngay trong hoàn cảnh khó khăn đã để lại một ấn tượng khó quên ở nhà thơ Nga đến nỗi nhà thơ viết :

"Dân tộc Việt Nam là một dân tộc giản dị và thanh lịch, chuộng nếp điều độ và ghét thói thái quá. Qua cử chỉ cao thượng và tiếng nói trầm lắng của Nguyễn Ái Quốc, tôi thấy được ngày mai, thấy được viễn cảnh trời yên bể lặng của tình hữu ái đoàn kết bao la như đại dương..."

Tôi biết có người sẽ hỏi tôi về những sai lầm, về cải cách ruộng đất, về nhiều chuyện khác nữa. Tôi chỉ xin các bạn ấy hiểu cho những khó khăn của một người cộng sản trong hoàn cảnh tự mình đi con đường riêng có điểm không ăn khớp với những nguyên lý của Quốc tế cộng sản, tự mình phải chèo chống con thuyền cách mạng giữa bao khó khăn, hiểu lầm, tự mình phải nói năng, hành động sao cho có lợi cho cách mạng và dân tộc. Con người càng ở địa vị cao thì sự ràng buộc càng lớn. Những ràng buộc mà một cá nhân nhỏ bé như chúng ta phải chịu thực không có ý nghĩa gì so với những ràng buộc mà Hồ Chí Minh phải chịu.

14. Cái gia tài tư tưởng, đạo đức và nhân cách mà Hồ

Chí minh để lại cần được duy trì, phát triển như thế nào trong giai đoạn mới này ? Tuy điều này ở ngoài phạm vi chương này, nhưng tôi cũng xin khẳng định rằng để chống lại mọi mưu toan thay đổi xã hội, chỉ có một cách : Duy trì cho kỳ được gia tài tư tưởng mà Bác để lại, tiến hành một sự vượt gộp mới giữa tư tưởng Hồ Chí Minh với văn hóa, khoa học kỹ thuật của giai đoạn mới. Ngoài ra, không có còn đường nào nữa.

Chương XIV

TIẾP XÚC VĂN HỌC VIỆT-PHÁP

Để có một khái niệm rõ ràng về bản sắc văn hóa Việt Nam không cách gì tốt hơn là xét văn hóa này trong sự tiếp xúc với một văn hóa khác hẳn nó. Qua sự tiếp xúc này, ta sẽ thấy bản sắc văn hóa dân tộc bộc lộ một sự hoán cải khá đặc biệt. Trong khi chịu những thay đổi hết sức quan trọng, đến mức một cách nhìn hời hợt sẽ tưởng đâu rằng bản sắc trước đây đã mất, thì một cách nhìn theo nhận thức luận sẽ cho thấy đây chính là biến chứng pháp riêng của văn hóa. Ta chứng kiến một sự vượt gộp (*dépassement*), tức là văn hóa Việt Nam tiếp thu những điều mới khác hẳn văn hóa trước đây của mình nhưng vẫn duy trì bản chất dưới một hình thức cao hơn và hiện đại hơn. Việc nghiên cứu văn học Việt Nam trong sự tiếp xúc với văn học Pháp sẽ giúp chúng ta hiểu rõ biến chứng pháp này hơn một công trình thuần túy lý luận.

Xét về mặt lý luận, đối với văn học Việt Nam hiện nay, sự tiếp xúc văn học Việt- Pháp còn quan trọng hơn tiếp xúc văn học Việt-Hoa, mặc dầu sự tiếp xúc thứ nhất kéo dài hai ngàn năm; trái lại sự tiếp xúc thứ hai chủ yếu là bó hẹp vào một thời gian ngắn ngủi dưới một thế kỷ (1858-1945). Các bài viết của tôi về văn hóa Việt Nam không có tham vọng nghiên cứu văn hóa Việt Nam ở bản thân nó, mà chỉ cố tìm cách giới thiệu phương pháp làm việc giúp các bạn trẻ thoát khỏi Âu châu luận. Nếu như trong các khoa học tự nhiên không ai nói đến chuyện thoát ly khỏi Âu châu luận, thì đó là vì khoa học tự nhiên là chung cho loài người. Trái lại, đối với các khoa học xã hội và nhân văn, việc xây dựng những khái niệm mới hay lý giải lại các khái niệm của phương Tây cho thích hợp với thực tế Việt Nam không bị các "*Khái niệm đồng âm*" của phương Tây (chữ này là của anh Thảo) chi phối là hết sức quan trọng.

Trong triết học, ngôn ngữ học, văn học, xã hội học, kinh tế học, chính trị... chúng ta đều phải tiến hành công tác này. Nếu không, các cách lý giải của ta đều sẽ bị méo mó và ta sẽ không hiểu tại sao, mặc dầu ta làm hết sức nghiêm túc và có thiện chí, thực tế vẫn không đáp ứng mong mỏi của ta. Con đường này chính là do anh Trần Đức Thảo mở đầu. Anh rất thông thạo về triết học Đức, và chính nhờ anh mà tôi làm quen với triết học Đức và triết học hiện đại, nhưng anh vẫn chưa có điều kiện thực hiện đối với văn hóa phương Đông.

Trong cuộc đời phiên dịch, tôi có kinh nghiệm như sau: khi dịch một khái niệm quen thuộc của Trung Hoa như *nhân, nghĩa, lễ, đạo, âm, dương...* ra tiếng châu Âu, tôi không tài nào tìm được một khái niệm châu Âu tương ứng. Vậy ngược lại, những khái niệm của châu Âu mà ta dịch là *giai cấp, số hữu, cá nhân, trí thức, địa chủ, tư sản, phong kiến, nông dân...* cũng phải hiểu trong ngoặc kép, tức là ở Việt Nam, thực tế nội dung mà với tư cách người Việt chính chúng ta cảm thấy và thể nghiệm qua năm mươi năm nay là rất khác cái nội dung mà các sách phương Tây đã cấp cho nó. Mọi khái niệm của khoa học xã hội và nhân văn phương Tây tất yếu là dựa trên thực tế phương Tây trong một giai đoạn lịch sử cụ thể, rất xa chúng ta về không gian, thời gian và tâm thức cho nên khó lòng thích hợp với xã hội ta.

1. Xét về mặt nhận thức luận, tiếp xúc văn hóa Việt - Pháp khác tiếp xúc văn hóa Việt-Hoa về những điểm sau đây:

(1). Tiếp xúc văn học giữa Việt Nam và Trung Quốc là tiếp xúc giữa hai nước cùng một nền kinh tế tự túc tự cấp. Vì có những sự giống nhau như vậy, cho nên dù Việt Nam có chấp nhận nhiều thể văn Trung Hoa, các thay đổi vẫn biểu lộ về mặt hình thức hơn là về mặt nội dung. Điều này chúng ta đã thấy một phần trong chương nói về sự khúc xạ của Nho giáo ở Việt Nam. Còn sự tiếp xúc với Pháp là thuộc loại khác hẳn. Một nền văn minh nông nghiệp tiếp xúc với một nền văn

minh công nghiệp. Văn hóa Pháp khác xa văn hóa Việt Nam, các thể chế của Pháp chẳng có gì chung với các thể chế Việt Nam. Những tiếp xúc này đòi hỏi những thay đổi không chỉ về hình thức mà cả về nội dung.

(2). Những tiếp xúc văn học giữa Trung Quốc và Việt Nam là những tiếp xúc giữa hai nước, nhưng những tiếp xúc giữa văn học Việt Nam với văn học Pháp lại là một bộ phận của những tiếp xúc quốc tế có tính chất thế giới. Để đáp ứng tình hình mới, Việt Nam phải Tây phương hóa văn học của mình về hình thức và nội dung, phải chấp nhận những cách lý giải trái ngược với kinh nghiệm trước đây, phải giải quyết những vấn đề mới xuất phát từ một hệ tư tưởng mới, phải tiến hành một sự xét lại triệt để cách làm trước đây bởi vì tiếp xúc văn hóa trước mắt cũng là tiếp xúc với văn hóa phương Tây. Và Việt Nam cần phải nhận thức rõ bản sắc văn hóa của mình, để cho sự tiếp xúc này có lợi, tránh được những mò mẫm kéo dài.

(3). Sự tiếp xúc văn học giữa Việt Nam và Trung Quốc là được tiến hành có ý thức bởi bộ máy chính quyền để đảm bảo *"Một chủ quyền thực sự dưới cái vẻ lệ thuộc giả tạo"*. Nhưng những đổi mới của văn học Việt Nam trong thời Pháp thuộc lại được tiến hành bởi một nhân dân đấu tranh chống lại chế độ thuộc địa của Pháp vì chính phủ Việt Nam lúc này đã là công cụ của chế độ thuộc địa. Về bản chất, nó thuộc phong trào

chống thực dân của thế kỷ này và khác các phong trào văn học của thời kỳ độc lập trước đây.

2. Trong phạm vi một vấn đề to lớn như vậy, liên quan tới hai tâm thức đối lập nhau, tôi sẽ bó hẹp vào việc giới thiệu những nét chính của một bên là tâm thức Việt Nam và một bên là tâm thức Pháp, để nêu lên những ảnh hưởng của một sự Tây phương hóa rất thành công ở cái góc xa xôi này của Viễn Đông, của một sự tiếp xúc Đông-Tây mà ảnh hưởng sẽ ngày càng quan trọng trong cái thế giới mới này, trong đó tiếp xúc văn hóa sẽ trở thành nền tảng cho mọi sự tiếp xúc.

Để nhất quán trong một công trình văn hóa học, tôi phải bỏ qua vấn đề chính trị, chủ nghĩa thực dân. Tôi nói đến văn hóa Pháp mà không nói đến chủ nghĩa thực dân Pháp. Về mặt phương pháp luận, khi người ta nghiên cứu văn hóa gắn liền với chính trị, thì không thể nào đi đến những kết luận thỏa đáng về tiếp xúc văn hóa. Chủ nghĩa thực dân Pháp là một sự xuyên tạc văn hóa Pháp cũng như chủ nghĩa bành trướng Trung Quốc là một sự xuyên tạc học thuyết Khổng tử.

Là một người chuyên về Hán học, tôi thấy những nét sau đây của Nho giáo cha ông ta không những không có trong "*Luận ngữ*", công trình duy nhất chắc chắn về Khổng học, mà thậm chí không thể có trong óc của Khổng tử, đồng thời hoàn toàn trái ngược với tư tưởng và cuộc đời của nhà triết gia vĩ đại. Những điều dưới đây Khổng tử đều chống lại, nhưng đã trở thành

nền tảng của Nho giáo, mặc dầu số công trình về Nho giáo là rất nhiều, các công trình ấy không xét đến mặt nhận thức luận của Khổng tử nên đều bỏ qua.

Thứ nhất, một Nho giáo được nâng lên địa vị quốc giáo, chiếm địa vị độc tôn, chứ không phải là một học thuyết chỉ dành cho một thiểu số hết sức ít ỏi có ý thức đem đến sự hài hòa trong xã hội. Thứ hai, một chế độ quân chủ chuyên chế tìm mọi cách mở rộng đất đai bằng võ lực, chứ không phải một sự lôi cuốn thiên hạ bằng văn hóa. Thứ ba, một tầng lớp quan liêu được đào tạo đơn thuần bằng con đường khoa cử theo lối học thuộc lòng các kinh điển Nho giáo để kiếm ăn, không nghĩ đến trách nhiệm đối với quần chúng lao động, chứ không phải những con người không nghĩ đến lợi lộc cho bản thân mình, sống làm gương tốt cho nhân dân về tu thân, giữ cân, kiệm, liêm, chính. Thứ tư, một lối giải thích giáo điều, trong đó các khái niệm có quan hệ qua lại, có điều kiện giữa người trên và người dưới đều bị vứt bỏ để chỉ chấp nhận cách lý giải một chiều của người dưới đối với người trên, một cách tuyệt đối, không có điều kiện. Thứ năm, việc vứt bỏ những khái niệm then chốt của Khổng học là chữ "thời", chữ "Trung dung", tức là sự thích nghi với từng hoàn cảnh lịch sử cụ thể và giữ một mức độ hợp lý vừa phải. Thứ sáu, việc lý giải mọi hiện tượng theo những lý thuyết bói toán của âm dương, ngũ hành, Kinh Dịch, trong khi học thuyết của Khổng tử là bất khả tri luận ; một học

thuyết chỉ bó hẹp vào các quan hệ giữa người với người, bỗng biến thành một cách lý giải vạn năng, giáo điều cho mọi hiện tượng, mọi cách ứng xử. Thứ bảy, Nho giáo trở thành công cụ của chế độ quân chủ chuyên chế, trong đó ông vua trở thành một anh vĩ công và coi dân như cỏ rác. Những điều này chủ yếu đều là vay mượn của Pháp gia từ thời của Hán Vũ Đế vào thế kỷ thứ hai trước công nguyên theo gương mẫu của Tần Thủy Hoàng.

Những điều xuyên tạc như thế là không thể tránh khỏi khi chính quyền chưa thuộc vào nhân dân. Điều này đã xảy ra với nhiều tôn giáo, nhiều trào lưu tư tưởng trong đó có văn hóa của Pháp. Chính trị thay đổi nhưng văn hóa còn lại. Việt Nam chống lại chủ nghĩa bành trướng của Trung Quốc, nhưng lại rất tôn trọng văn hóa Trung Quốc. Các nhà cách mạng Việt Nam chống lại thực dân Pháp nhưng lại tôn trọng văn hóa Pháp, truyền thống cách mạng và những xu hướng xã hội chủ nghĩa của nền văn hóa này. Ta chỉ cần nhìn thế giới hiện nay để chứng kiến sự thay đổi này.

2. Mỗi nhân dân đều có quan niệm riêng của mình về hạnh phúc. Đối với người Việt trước khi bị Pháp thống trị, quan niệm ấy rất đơn giản. Trước hết, đó là độc lập dân tộc. Chúng ta chỉ cần nhìn mười thế kỷ văn học chữ Hán từ khi chấm dứt sự đô hộ của Trung Quốc đến 1858, thời điểm Pháp xâm lược để thấy đó là một nền văn học hoàn toàn phục vụ sự nghiệp dân tộc, và sự

thống nhất này về hệ tư tưởng là độc nhất vô nhị trong lịch sử văn học thế giới. Mọi cuộc xâm lăng đều bị đánh lùi, mọi kẻ xâm lược đều bắt gặp ở Việt Nam chiến tranh nhân dân, không có biên giới, thiên hình vạn trạng, trong đó sức mạnh quân sự kết hợp với đàm phán theo những nguyên lý văn hóa cao đẹp của đối phương để khiến đối phương phải rút quân.

Tính độc đáo của văn học Việt Nam là ở *tính hai mặt* của nó. Một mặt, đó là tinh thần yêu nước triệt để dưới những hình thức khác nhau : Phật giáo trước thế kỷ XV, Nho giáo từ thế kỷ XV đến hết thế kỷ XIX, ít nhiều tiểu tư sản từ đầu thế kỷ XX đến 1930, tiểu tư sản có nội dung xã hội chủ nghĩa từ 1930 đến 1936, xã hội chủ nghĩa từ 1936 trở đi. Những thay đổi về hệ tư tưởng tồn tại bên cạnh tính bất biến của yêu cầu : độc lập dân tộc và thống nhất tổ quốc.

Người Việt Nam không phải người Hy-Lạp, người Đức hay người Pháp để tư biện về Thượng đế, linh hồn, tồn tại, vật chất, ý niệm, cái tuyệt đối. Anh ta đánh giá một học thuyết theo một tiêu chí duy nhất : nó có giúp Việt Nam bảo vệ được độc lập và thống nhất không ? Điều này giải thích thái độ cực đoan của anh ta trong tiếp xúc. Anh ta chuyển từ văn hóa DNA sang văn hóa Trung Quốc, văn hóa Pháp, văn hóa XHCN dưới một hình thức gần như triệt để. Nhưng mọi sự đổi mới chỉ là để cứu nước trong hoàn cảnh mới chứ không phải để mất nước.

Mặc khác, với tư cách một thành viên của một đơn vị tự quản là làng, người Việt muốn hưởng một cuộc sống yên ổn, sự hài hòa trong gia đình, sự giúp đỡ của bà con, họ hàng. Anh ta có được phẩm giá do địa vị của mình trong những thể chế khác nhau đều tự quản, không có sự chỉ huy từ trung ương, trong thờ cúng tổ tiên, các tổ chức khác nhau từ giáp đến các hội về văn học, nghề nghiệp, chức vụ, tôn giáo, tín ngưỡng.

Sự đùm bọc của cộng đồng trong các tổ chức tự quản cấp cho anh ta một *thân phận* do địa vị của anh ta trong những tổ chức khác nhau, đều *tự quản* dựa trên những tiêu chí khác nhau (tuổi tác, chức vụ, học vấn, nghề nghiệp, tôn ty trong họ hàng, gia thế) khiến anh ta có một diện mạo và do đó, anh ta khác xa tình trạng không có diện mạo và không có thân phận của người nông nô châu Âu và người dân Trung Hoa trước kia. Người nông nô châu Âu chỉ tìm thấy diện mạo và thân phận sau khi chết, trước Thượng đế. Còn người dân Trung Hoa là nạn nhân của một chế độ quan liêu hung bạo có thể làm cỏ cả một vùng khi nó phật ý, một điều không hề có trong lịch sử Việt Nam ở đây người dân được làng xã tự quản che chở.

Tính hai mặt này mà các công trình nghiên cứu văn hóa theo Âu châu luận đều bỏ qua chính là cơ sở của hiện tượng hai văn hóa tồn tại song song trong văn học, nghi lễ, tín ngưỡng, chính trị, tổ chức xã hội, kinh

tế và cả quân sự. Cả làng đánh giặc, và người dân rất chủ động, giàu sáng kiến trong chiến đấu cũng là xuất phát từ tính hai mặt này.

Con người Việt Nam, do đó, có ý thức về *nhân cách* mình. Anh ta sinh ra với ý thức trách nhiệm đối với gia đình, họ hàng, làng mạc và tổ quốc. Ngược lại, do ý thức trách nhiệm này mà anh ta được đảm bảo về thân phận trong sự đùm bọc của cộng đồng, về diện mạo trong cương vị của anh ta trong những thể cộng đồng khác nhau theo những tiêu chí khác nhau và đều tự quản. Thực chất của câu "*Phép vua thua lệ làng*" chính là khẳng định tính tự quản này của văn hóa Việt Nam.

Tuy vậy, nhân cách luận này quá Việt Nam nên thiếu tính toàn nhân loại, quá bó hẹp vào bốn phân đối với nhau trong các thể cộng đồng khác nhau nên không đạt đến chủ nghĩa duy lý, không vươn tới việc chinh phục xã hội và tự nhiên để mưu hạnh phúc cho đồng loại. Nho giáo không thể có tính chất này vì nó lo khẳng định tôn ty trong xã hội. Lão giáo trong khi gạt bỏ tôn ty lại đẩy con người ra khỏi các quan hệ chính trị và xã hội, bàng quan với số phận người dân. Nó là một thứ cá nhân luận chỉ dành riêng cho trí thức. Với Phật giáo, con người thành một chúng sinh, đã từ bỏ việc cải tạo thế giới để trở thành một cây sậy lo thổi phồng ý thức về sự bất lực của mình. Văn học dân gian có tính toàn nhân loại, nhưng lại thiếu cái cơ sở tư biện để nâng nó

lên thành một hệ tư tưởng độc lập và nhất quán. Đặc biệt, trong xã hội xưa gần như không có tư hữu nên thiếu ý thức cá nhân và tự do cá nhân.

Ý thức về nhân cách biểu lộ rõ rệt trong ý thức về giá trị của tầng lớp quân tử, tài tử, nhưng chưa mở rộng ra toàn thể loài người để chấp nhận cá nhân. Con người quen sống trong một xã hội phục tùng những quy tắc cha ông để lại nên không biết đến tiến bộ, phúc lợi vật chất, lợi ích kinh tế và khoa học là những yếu tố đã khiến cho phương Tây làm chủ thế giới trong ba thế kỷ gần đây.

3. Nếu ta xét đến sự tiếp xúc văn học giữa châu Á và Phương Tây, ta phải thừa nhận rằng văn học Phương Tây đã ảnh hưởng rất lớn tới văn học châu Á nhưng ảnh hưởng của văn học châu Á tới Phương Tây lại không sâu. Nếu như khoa học Trung Quốc đã ảnh hưởng mạnh mẽ tới châu Âu và nghệ thuật Trung Quốc được châu Âu thừa nhận là ưu việt thì ngoài Thơ Đường ra, những tác phẩm lớn nhất của văn học châu Á không được quần chúng rộng rãi Phương Tây ham thích, lý do không phải ở tài năng của các nhà văn, các nhà thơ châu Á trước đây, mà ở sự khác nhau về tâm thức.

Một sự điếm qua sơ sài văn học Pháp, mà giá trị của nó đối với thế giới hiện đại là hết sức to lớn sẽ giúp ta thấy sự khác nhau giữa hai tâm thức, tâm thức Việt Nam và tâm thức Pháp. Khi đối lập như vậy, tôi thừa

nhận trong cách nhìn của tôi có cái gì giản đơn, bởi vì người ta không thể nào thu tóm văn hóa Pháp, chẳng hạn, trong một quyển sách, dùng nói là trong một vài khái niệm. Văn hóa một dân tộc là cực kỳ đa dạng và phức tạp. Nhưng một người được văn hóa này đào tạo như trường hợp của tôi, thì người ấy lại có một sự lựa chọn riêng do sự đối lập với chính văn hóa của mình mà có. Có thể nói, đây không phải văn hóa Pháp ở bản thân nó, mà văn hóa Pháp qua sự cảm nhận của một người Việt Nam theo cách mạng và chủ nghĩa xã hội.

Khái niệm tổ quốc gần như vắng mặt trong văn học pháp. Nó chỉ xuất hiện khi nước Pháp bị xâm lược, như chẳng hạn vào đầu cách mạng Pháp hay trong giai đoạn gần đây bị phát xít Đức chiếm đóng. Dưới thời phong kiến ở châu Âu, người nông nô chỉ biết có lãnh chúa không biết đến vua và nước. Cuộc chiến tranh trăm năm (1337-1443) không phải là cuộc chiến tranh giữa nước Anh và nước Pháp như các sách lịch sử nói, mà chỉ là cuộc chiến tranh giữa hai dòng họ lãnh chúa lớn nhất của hai nước, dòng học Plan-ta-giơ-nê (Plantagenet) ở Anh và dòng học Ca-pê (Capet) ở Pháp và sau đó nhà nước dân tộc của Pháp mới ra đời. Nước Pháp cùng với nước Anh thực hiện sớm sự thống nhất dân tộc và nhờ vậy mà nhanh chóng có một hệ thống thuộc địa rộng lớn cũng không phải lo bị xâm lược. Trong một thời gian dài, Thiên chúa giáo đã trở thành mối liên hệ tinh thần tạo nên văn hóa châu Âu và một